

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P4	7:25	7+14	0+0		0+22	0+0	
2		BK15+P11+PPD	7:25	4+15+3	0+0+0		3+14+5	0+0+0	
3		SAVR+RC10+P4	7:25	18+0+0	0+0+0		10+1+11	0+0+0	
4		RP3+RC6+CTK3	9:25	11+0+10	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
5		RP1+RP3+RP2	9:25	0+12+6	0+0+0		1+13+8	0+0+0	chuyen 2 rp1-rp2, 2 rp1-rp3
6		CTK3 (TATMAY)	10:30	12			12		DIEU TRA HOANGSA
7		P10+BK16+PPD	9:25	0+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 P10-BK16chuyen 3 bk16-ppd
8		PPD+P9+P7	11:25	18+4+0	0+0+0		11+4+7	0+0+0	

TTBDSX

*PTLg -*  
*Bang chuyeu nay dau*  
*leA*  
*thiema xoi ho?*

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
I/ Đi về trong ngày P7-7 ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2025	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DUONG - M.ĐỨC - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU PHUONG	P7						68	BIEN DONC	Vietnamese
2	VU VAN TOAN	P7						75	D-HANH	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	P7	10	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC KHANH	P7						88	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG	P7	11	1	4			66	NIPI	Vietnamese
6	PHAN VAN THINH	P7	09	1	4			73	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MINH	P7	08	1	4			80	KHI	Vietnamese
8	TRUONG THANH GIAP	P4	50	1	4	2	35	71	KHI	Vietnamese
9	LUONG THANH VU	P4	92	1	5			76	KHI	Vietnamese
10	HOANG TRONG TAN	P4	94-95	2	16			72	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HA	P4	90	1	2			67	KHI	Vietnamese
12	TRINH XUAN HUYEN	P4	5000	1	5			76	KHI	Vietnamese
13	ĐẶNG THE HUY	P4	49	1	8			95	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN PHÚC	P4	99	1	6			69	KHI	Vietnamese
15	LÊ HUY CHƯƠNG	P4	48	1	6			54	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN ANH	P4	96	1	3			66	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH GIAP	P4	97	1	3			66	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	91	1	7			66	KHI	Vietnamese
19	HOANG THAI DUONG	P4	98	1	5			74	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THINH	P4	93	1	2			76	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HONG	P4	89	1	4			53	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	7	537	4	15	0	0	0		
2	P4	14	981	15	76	2	35	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.518</b>	<b>19</b>	<b>91</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.518</b>		<b>91</b>		<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

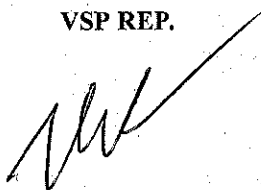
DATE: 26/06/2025		TO: BK15 - P11 - PPD			AIRCRAFT: 416			ETD: 07:40		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: ĐỨC - THÔNG - THÔNG			ETA: 09:30		
VANG-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HÀ MẠNH HÙNG	BK15	43	1	15	1	19	60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NAM	BK15	39	1	15	1	10	69	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HIỆU	BK15	41-42	2	18			79	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC ĐIỀU	BK15	40	1	13			80	XAYLAP	Vietnamese
5	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P11						76	KHOAN	Vietnamese
6	VU VĂN DOANH	P11						71	KHOAN	Vietnamese
7	CAO ĐỊNH THANH	P11	30-31	2	7			55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HẬU	P11	27	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIẾN	P11	33	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHẬT QUANG	P11	32	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VĂN THANH	P11	29	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU NAM	P11	25	1	8			87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY LINH	P11	28	1	6			95	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VINH THUẬT	P11	37	1	9			76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN HOA	P11	26	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGỌC TU	P11	24	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
17	LIU QUANG ĐẠT	P11	38	1	12	1	19	72	CODIEN	Vietnamese
18	ĐẶNG QUANG LỘC	P11	35	1	13	1	10	63	CODIEN	Vietnamese
19	BÀN PHUOC LONG	P11	36	1	18	2	63	77	DVL	Vietnamese
20	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	43	1	7			87	KHI	Vietnamese
21	VU THANH BINH	PPD	40	1	4			82	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

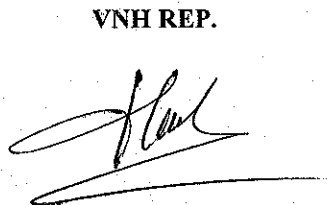
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK15	4	288	5	61	2	29	3		
2	P11	15	1.092	14	106	4	92	14		
3	PPD	2	169	2	11	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.549</b>	<b>21</b>	<b>178</b>	<b>6</b>	<b>121</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.549</b>		<b>178</b>		<b>121</b>			

GRAND TOTAL: 1.848 KGS

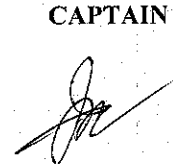
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2025	TO: SAVR - RC10 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - VŨ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KARIMOV ILNUR	SAVR	80	1	8	1	46	77	AMNGR	Russian
2	NGUYEN DUY KHIEM	SAVR						76	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	87	1	11			86	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VIET TRUNG	SAVR	79	1	9			82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUC THANG	SAVR	69-70	2	17			73	PVD BAKE	Vietnamese
6	ZINNATULLIN AZAT	SAVR	85-86	2	8			66	AMNGR	Russian
7	VOZHENKO GEORGII	SAVR	81	1	7			84	AMNGR	Russian
8	GUKOV IVAN	SAVR	83-84	2	15			97	AMNGR	Russian
9	TRAN NAM SON	SAVR	66	1	6			63	AMNGR	Vietnamese
10	LE THANH TUNG	SAVR	67	1	3			78	AMNGR	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN MINH	SAVR	72-73	2	19			77	AMNGR	Vietnamese
12	BUI ANH PHUONG	SAVR	71	1	5			68	AMNGR	Vietnamese
13	PHAM HONG MINH	SAVR	68	1	13			77	AMNGR	Vietnamese
14	LE XUAN THANG	SAVR	74-75	2	21			77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM (KS)	SAVR	88	1	16			77	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM (CN)	SAVR	77-78	2	21			67	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN CHI LINH	SAVR	87	1	10			80	DVL	Vietnamese
18	DO THANH TIEN	SAVR	76	1	12			79	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	18	1.384	23	201	1	46	10		
2	RC10	0	0	0	0	0	0	1		
3	P4	0	0	0	0	0	0	11		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.384</b>	<b>23</b>	<b>201</b>	<b>1</b>	<b>46</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.384</b>		<b>201</b>		<b>46</b>			

GRAND TOTAL: 1.631 KGS

VSP REP.

VNH REP.

*maiphe*  
Nguyen Mai Phi

CAPTAIN

*Zuh*  
Ngo Van Linh



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2025	TO: RP3 - RC6 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DUONG - M.ĐỨC - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	08-09	2	19	2	40	81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐOÀN THANH	RP3	04	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3						87	KHI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	05	1	4			72	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	11	1	8			73	KHI	Vietnamese
6	BUI VĂN PHŨ	RP3	99	1	4			72	KHI	Vietnamese
7	HA VĂN THUY	RP3	10	1	5			68	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	07	1	2			70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						90	KHI	Vietnamese
10	LÊ HOANG ANH	RP3	400	1	4			68	KHI	Vietnamese
11	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3	06	1	4			73	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HAO	RP3	12-13	2	14			62	KHI	Vietnamese
13	TRAN XUAN PHUC	CTK3				4	65	70	SANBAY	Vietnamese
14	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	69	1	6			77	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN KHÁNH	CTK3	67	1	3			77	PSV	Vietnamese
16	HOANG VĂN BÁC	CTK3						68	PSV	Vietnamese
17	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	68	1	5			68	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	85	1	9			68	PSV	Vietnamese
19	BUI QUỐC ĐƯƠNG	CTK3	64	1	8			54	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG MINH THIỆN	CTK3	84	1	5			74	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUƠNG (1967)	CTK3	65	1	7			55	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SA	CTK3	66	1	7			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	12	887	12	69	2	40	4		
2	RC6	0	0	0	0	2	35	2		
3	CTK3	10	679	8	50	4	65	16	+1NB VE NGOI GHE PHU	
TOTAL		22	1.566	20	119	8	140	22		
WEIGHT KG			1.566		119		140			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2025	TO: RP1 - RP3 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - THÔNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	44-45	2	15	1	20	65	KHI	Vietnamese
2	LE HUU DAT	RP3	42-43	2	7			74	KHI	Vietnamese
3	PHAM VAN THIET	RP3	47-48	2	6			64	KHI	Vietnamese
4	LE THI HONG GIANG	RP3	50-51	2	16	4	70	51	VPI	Vietnamese
5	NGUYEN THI HOA	RP3	52	1	7			51	VPI	Vietnamese
6	NGUYEN Q. BAO BINH	RP3	46	1	3			60	KHI	Vietnamese
7	TRINH QUANG HUY	RP3						69	KHI	Vietnamese
8	LE XUAN HIEN	RP3	49	1	5			79	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN TRANG	RP3	39-40	2	15			76	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN CHON	RP3	41	1	8			63	KHI	Vietnamese
11	PHAM HONG DIEN	RP3	38	1	5			70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUC	RP2	76	1	7			84	KHOAN	Vietnamese
13	VU VIET HUAN	RP2	24	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
14	VO HONG QUAN	RP2	74-75	2	15			82	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN BA ĐỨC	RP2	26-27	2	16			88	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN QUYEN	RP2	25	1	10			61	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN QUYEN	RP2	77-78	2	31			73	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	0	0	0	0	1	7	1	CHUYEN 2 PAX RP1-RP3, 2 PAX RP1-RP2	
2	RP3	11	722	15	87	5	90	13		
3	RP2	6	462	9	93	0	0	8		
TOTAL		17	1.184	24	180	6	97	22		
WEIGHT KG			1.184		180		97			

GRAND TOAL: 1.461 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2025	TO: PPD - P9 - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO - TOAN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DINH AN	PPD	62	1	3			59	PSV	Vietnamese
2	TRAN MINH THUAN	PPD	63	1	5			75	PSV	Vietnamese
3	TA QUANG PHUC	PPD	61	1	4			108	PSV	Vietnamese
4	LE HOANG CHUONG	PPD	64-65	2	12			78	TRUNG TIN	Vietnamese
5	LE THANH QUANG	PPD	74-75	2	8			60	TRUNG TIN	Vietnamese
6	NGUYEN HIEU NGHIA	PPD	70	1	5			56	TRUNG TIN	Vietnamese
7	HA QUOC LOC	PPD	73	1	6			64	TRUNG TIN	Vietnamese
8	VO HONG SON DAT	PPD	67	1	10			57	TRUNG TIN	Vietnamese
9	VO NGOC HOANG	PPD	81	1	8			52	TRUNG TIN	Vietnamese
10	PHAN DINH TRUC	PPD	80	1	6			82	TRUNG TIN	Vietnamese
11	DANG VAN DANH	PPD	79	1	7			62	TRUNG TIN	Vietnamese
12	VO MINH THI	PPD	78	1	6			70	TRUNG TIN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HUNG	PPD	66	1	4			68	TRUNG TIN	Vietnamese
14	VO HONG SON TRUNG	PPD	68	1	15			63	TRUNG TIN	Vietnamese
15	PHAN VAN TUYEN	PPD	69	1	5			65	TRUNG TIN	Vietnamese
16	VO VAN CO	PPD	77	1	10			49	TRUNG TIN	Vietnamese
17	NGUYEN TAT THANH	PPD	76	1	7			59	TRUNG TIN	Vietnamese
18	LE TAN BAO	PPD	71-72	2	22			64	TRUNG TIN	Vietnamese
19	PHAM VAN HIEN	P9	65	1	9			54	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG DUC THUONG	P9	63-64	2	22			83	DVL	Vietnamese
21	PHAM VAN TRI	P9	063	1	6	1	17	70	KHOAN	Vietnamese
22	LE CONG MINH	P9	67	1	7			114	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO			
				PCS	W	PCS	W		
1	PPD	18	1.191	21	143	0	0	11	
2	P9	4	321	5	44	1	17	4	
3	P7	0	0	0	0	0	0	7	
TOTAL		22	1.512	26	187	1	17	22	
WEIGHT KG			1.512		187		17		

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/06/2025	TO: CTK3(+2h)- VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH - DHIỀN	ETA: 14:10

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN BA THUAN	CTK3						70	TTB V-BME	Vietnamese
2	BUI KHAC HOANG	CTK3	79	1	3	1	12	56	Y TE	Vietnamese
3	DO DUY DONG	CTK3						69	AT-BMDH	Vietnamese
4	HOANG NGOC DAO	CTK3						72	PC09	Vietnamese
5	MAI CHI CONG	CTK3						94	CA TINH	Vietnamese
6	DUONG VAN HUNG	CTK3						69	CA TINH	Vietnamese
7	DO VAN KIET	CTK3						87	CA TINH	Vietnamese
8	DO NGOC KHANH	CTK3						71	CA TINH	Vietnamese
9	DOAN VA HONG	CTK3						73	VIEN KSOA	Vietnamese
10	NGUYEN KY ANH	CTK3						53	VIEN KSOA	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	10	714	1	3	1	12	10		THẢO GHÉ LẬP CẢNG VSP
<b>TOTAL</b>		<b>10</b>	<b>714</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>12</b>	<b>10</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>714</b>		<b>3</b>		<b>12</b>			

GRAND TOAL: 729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN